Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3811.90.90

Mã HS	3811.90.90
Mô tả hàng hóa	Chế phẩm chống kích nổ, chất ức chế quá trình oxy hóa, chất chống dính, chất làm tăng độ nhớt, chế phẩm chống ăn mòn và các chất phụ gia đã điều chế khác, dùng cho dầu khoáng (kể cả xăng) hoặc cho các loại chất lỏng dùng như dầu khoáng / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:18:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38119090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5450
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5450
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5450
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5305
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5266
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5266
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5266
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5266
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5266
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5266
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5310
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5310
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5310
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5310
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5310
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5308
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5308
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5308
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5308
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5308
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5308
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5310
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5272
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5268
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5268
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5268
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5268
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5268
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5268
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5277
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5277
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5277
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5277
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5277
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5277
VCFTA	2022	2022	1	VC!D5318
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5318

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5318
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5318
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5318
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5318
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5319
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5319
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5319
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5319
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5319
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5319
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5322
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5322
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5322
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5322
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5322
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5322
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5291
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5291
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5291
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5291
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5291
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5291
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5293
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5293
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5293
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5293

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5293
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5293
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5291
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5291
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5291
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5291
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5291
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5291
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5291
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5312
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5312
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5312
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5312
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5312
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5312
RCEP B	2022	2022	0	B!D5312
RCEP B	2023	2023	0	B!E5312
RCEP B	2024	2024	0	B!F5312
RCEP B	2025	2025	0	B!G5312
RCEP B	2026	2026	0	B!H5312
RCEP B	2027	2027	0	B!I5312
RCEP C	2022	2022	0	C!D5312
RCEP C	2023	2023	0	C!E5312
RCEP C	2024	2024	0	C!F5312
RCEP C	2025	2025	0	C!G5312
RCEP C	2026	2026	0	C!H5312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5312
RCEP D	2022	2022	0	D!D5312
RCEP D	2023	2023	0	D!E5312
RCEP D	2024	2024	0	D!F5312
RCEP D	2025	2025	0	D!G5312
RCEP D	2026	2026	0	D!H5312
RCEP D	2027	2027	0	D!I5312
RCEP E	2022	2022	0	E!D5315
RCEP E	2023	2023	0	E!E5315
RCEP E	2024	2024	0	E!F5315
RCEP E	2025	2025	0	E!G5315
RCEP E	2026	2026	0	E!H5315
RCEP E	2027	2027	0	E!I5315
RCEP F	2022	2022	0	F!D5312
RCEP F	2023	2023	0	F!E5312
RCEP F	2024	2024	0	F!F5312
RCEP F	2025	2025	0	F!G5312
RCEP F	2026	2026	0	F!H5312
RCEP F	2027	2027	0	F!I5312
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4894
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4894
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4894
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4894

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3811.90 có 2 dòng thuế; dòng 3811.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3811.90.10 Chế phẩm chống gỉ hoặc chống ăn mòn	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3811.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3811.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5450), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.